

Gốm Nam Bộ - truyền thống và những vấn đề trong quá trình hội nhập, phát triển bền vững

• **Phí Ngọc Tuyền**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Nghề gốm ở Nam bộ có thể được tính từ khi cư dân Việt ở miền Bắc, miền Trung vào lập nghiệp thế kỷ XVII, sau đó một bộ phận người Hoa ở nam Trung Quốc qua các đợt di dân với nhiều lý do, mục đích khác nhau. Vượt qua nhiều trở ngại ban đầu, họ đã tụ lại để làm ăn, buôn bán, sản xuất và định cư lâu dài, xây dựng quê mới trên vùng đất hoang vu với cảnh rừng rậm, cộp beo, cá sấu... Trong cộng đồng ấy có những người rất giỏi nghề gốm từ nơi bán quán và họ đã mang theo nghề đến đất phương Nam. Với bàn tay khéo léo, óc sáng tạo, họ đã cung cấp hàng triệu sản phẩm quan trọng cho cuộc sống như các loại gốm dùng trong sinh hoạt hàng ngày, trong kiến trúc xây dựng, trang trí, trong tôn giáo, trong kỹ thuật.

Mấy thế kỷ qua, nghề gốm có những bước thăng trầm cùng lịch sử, nhưng nhìn chung, nghề vẫn luôn phát triển không ngừng bởi sự năng động, sáng tạo của những người làm gốm nơi đây. Để có sự phát triển liên tục, những người làm gốm đã đi tiên phong hội nhập, tiếp thu những thành tựu sản xuất gốm trên thế giới và quá trình ấy đã diễn ra trong suốt thế kỷ XX. Tuy nhiên, quá trình hội nhập quốc tế ngày nay không đơn giản, những điểm mạnh, điểm yếu, những cơ hội hay nguy cơ luôn tiềm ẩn ảnh hưởng, thậm

chí đe dọa sự tồn tại và phát triển của gốm sứ Nam Bộ.

Để tạo sự phát triển bền vững trong tương lai trong quá trình hội nhập, bài viết đề cập đến thực trạng của nghề gốm ở Đồng Nai, Bình Dương và Vĩnh Long để thấy được những mặt tích cực cũng như hạn chế, yếu kém trên một số mặt như quy trình sản xuất, sản phẩm, ô nhiễm môi trường, kỹ thuật, hao hụt tài nguyên đất, thị trường trong và ngoài nước, vấn đề marketing, hội nhập trong giai đoạn mới... Bên cạnh đó, người viết phác họa một số giải pháp, những kiến nghị hướng tới ổn định thị trường trong nước và xuất khẩu đem lại nhiều lợi nhuận hơn nữa, đồng thời giữ vững và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam, chuyển tải văn hóa độc đáo của Việt Nam ra quốc tế thông qua gốm Nam bộ.

Về bố cục, bài viết đề cập đến các vấn đề cơ bản sau:

- *Đôi nét về sự hình thành và phát triển của nghề gốm sứ Nam bộ*
- *Quá trình hội nhập của gốm Nam bộ trong lịch sử*
- *Thực trạng và những vấn đề của gốm Nam bộ trong hội nhập và phát triển.*

Từ khóa: nghề gốm, Nam bộ, truyền thống hội nhập, bền vững

Đôi nét về sự hình thành và phát triển của nghề gốm sứ Nam bộ

Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của nghề gốm ở Nam bộ đến nay vẫn còn những ý kiến có đôi chút khác nhau giữa các nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, đa số cho rằng, nghề gốm ở đây được tính từ khi cư dân Việt ở miền Bắc, miền Trung vào lập nghiệp khoảng cuối thế kỷ XVII, sau đó một bộ phận người Hoa ở phía nam Trung Quốc qua các đợt di dân với nhiều lý do, mục đích khác nhau. Vượt qua nhiều trở ngại ban đầu, họ đã tụ lại để làm ăn, buôn bán, sản xuất và định cư lâu dài, xây dựng quê mới trên vùng đất hoang vu với cảnh rừng rậm, cọp gầm, sáu vũng vầy... Trong cộng đồng ấy có những người rất giỏi nghề gốm từ nơi bán quán và họ đã mang theo nghề đến đất phương Nam. Với bàn tay khéo léo, óc sáng tạo, họ đã cung cấp hàng triệu sản phẩm quan trọng cho cuộc sống như các loại gốm dùng trong sinh hoạt hàng ngày, trong kiến trúc xây dựng, trang trí, trong tôn giáo, trong kỹ thuật.

Nam bộ với điều kiện tự nhiên khá thuận lợi cho nghề gốm: có vùng đất sét và cao lanh khá dồi dào - một trong những nguyên liệu chính để sản xuất ra đồ gốm phục vụ cuộc sống cho con người. Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, Nam bộ có đặc điểm chung của khí hậu, thời tiết là nhiệt độ cao đều trong năm và có hai mùa mưa – khô rõ ràng tác động chi phối môi trường cảnh quan sâu sắc. Điều kiện nhiệt độ, ánh sáng, lượng mưa, độ ẩm thuận lợi thích hợp cho nhiều loại cây cối phát triển, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm. Rừng cung cấp gỗ cho xây dựng nhà cửa, đóng ghe thuyền đánh bắt cá và chuyên chở người, hàng hóa, đặc biệt rừng cung cấp gỗ, củi các loại cho nhiệt lượng phù hợp để làm chất đốt trong sản xuất gốm. Nam bộ có nhiều sông lớn như sông Đồng Nai dài hơn 600km, sông Bé 344km, sông Sài Gòn 280km, sông Vàm Cỏ Đông 283km, sông Vàm Cỏ Tây 239km, sông La Ngà 210km, sông Tiền và sông Hậu dài 250km... Ngoài ra còn có các sông nhỏ

như sông Lá Buông, sông Thao, suối Cà, suối Tam Biên, và nhiều sông suối khác (hơn 250 dòng chảy, chúng hợp thành mạng lưới thủy đạo trải dài khắp nơi)... Riêng ở Tây Nam bộ, ngoài những con sông kể trên, vùng đất này còn có trên 30 con sông lớn nhỏ với chiều dài tổng cộng trên 1.700km và hơn 100 rạch dài hơn 2.000km, hình thành hệ thống dòng chảy tự nhiên đan xen khắp mặt đất châu thổ. Thời các vua Nguyễn đã cho đào đắp thêm nhiều con kênh lớn nhỏ nhằm nhiều mục đích khác nhau phục vụ cho như cầu phát triển kinh tế và quốc phòng. Đây là điều kiện lí tưởng cho giao thông đường thủy và là điều kiện vô cùng thuận lợi cho nghề làm gốm, bởi chuyên chở nguyên liệu, nguyên liệu, sản phẩm đi bán rất tốt.

Hệ thống cảng, bến bãi ở Nam bộ có nhiều và thuận tiện cho việc buôn bán, trao đổi hàng hoá, lập các kho hàng như cảng Bến Nghé, cảng Cần Giờ, cảng Đồng Nai, ven sông Tiền, sông Hậu... và có hàng trăm chợ búa lớn nhỏ khắp các khu dân cư. Đây chính là điều kiện thuận lợi lớn cho việc hình thành nhiều ngành nghề kinh tế trong cộng đồng dân cư, trong đó có nghề gốm.

Việc khai phá vùng đất phương Nam từ một vùng hoang vu, nguy hiểm thành một vùng đất nông nghiệp giàu có, trù phú đã đưa thế lực của các Chúa Nguyễn ở Đàng Trong từ một thế lực cát cứ nhỏ bé trở nên lớn mạnh, đủ sức đương đầu với thế lực của Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Song song với quá trình khai phá vùng đất này của người Việt, sự xuất hiện của một số di thần triều Minh ở Đàng Trong đã đẩy nhanh quá trình khai phá vùng đất Sài Gòn – Gia Định. Năm 1769, một số tướng nhà Minh không chịu khuất phục nhà Thanh gồm Tổng binh Dương Ngạn Địch, Tổng binh Trần Thượng Xuyên, phó tướng Trần An Bình và phó tướng Hoàng Tiến xin chúa Nguyễn cho định cư... Đến năm 1708 vùng đất phủ Gia Định được mở rộng xuống tận Hà Tiên do việc Mạc Cửu đem vùng đất mới khai phá được gồm Hà Tiên, Rạch Giá, Phú Quốc dâng

hiển cho chúa Nguyễn Phúc Chu để xin che chở trước nạn thường xuyên cướp phá của quân Xiêm La.

Để kiểm soát chương trình di dân mở cõi, năm 1698 Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lý miền Nam, thấy nơi đây đất đai đã mở mang rất nhiều và đông đảo cư dân đang sinh sống làm ăn sung túc. Trước tình trạng lưu dân tự khẩn hoang lập ấp không có kiểm soát này, Nguyễn Hữu Cảnh cho lập phủ Gia Định gồm hai huyện là Phước Long (vùng Biên Hòa, Bà Rịa) và Tân Bình (tức Sài Gòn là khu vực khoảng từ sông Sài Gòn đến sông Vàm Cỏ Đông) để quản trị vùng đất đã phát triển về phương nam. Đây là lần đầu tiên người Việt chính thức đặt nền hành chính cai trị trên các vùng đất mới có người Việt định cư. Sau khi thiết lập nền hành chính cai trị tại đây, các chúa Nguyễn không ngừng ra sức xây dựng thành, lũy, lập các đồn bốt để bảo vệ vùng lãnh thổ mới được thiết lập.

Bên cạnh những điều kiện tự nhiên thuận lợi, trong những thế kỉ vừa qua, chính quyền của các chúa, vua Nguyễn đã có chính sách nhất định về phát triển tiểu thủ công nghiệp, trong đó có nghề làm gốm. Thực tế cho thấy, ở một thời kì hay một giai đoạn nào đó, tiểu thủ công nghiệp có được phát triển hay thụt lùi đều có nguyên nhân do những chính sách, chủ trương biện pháp của Nhà nước mà thành. Nếu như Nhà nước quan tâm đúng mức, khuyến khích phát triển kinh tế tiểu thủ công nghiệp thì nó sẽ phát triển và phồn thịnh; còn nếu như ngược lại, Nhà nước ban hành những chính sách để kìm chế thì nó sẽ trở nên lụi tàn. Cho đến nay có rất ít tài liệu nào đề cập đến các chính sách của Nhà nước về tình hình tiểu thủ công nghiệp nói chung và nghề sản xuất gốm nói riêng. Nhưng có một điều dễ nhận thấy trong bối cảnh xã hội bấy giờ ở Đàng Trong vẫn coi trọng chính sách “trọng nông, ức thương”, nên ta cũng thấy được các ngành nghề thủ công vẫn được ưu

tiên phát triển nhằm đáp ứng những nhu cầu cần thiết của những cư dân vùng đất Nam bộ.

Sau khi lên ngôi vua (1802), nhằm ổn định tình hình kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, Nguyễn Ánh cho lập ra 62 ty thợ hay “cục” trong cả nước, có nhiệm vụ sản xuất những vật phẩm cần thiết do Nhà nước giao đặt, trong đó có các ty thợ gạch, gốm, chum... Thế kỉ XIX, các nghề thủ công ở nông thôn và thành thị không ngừng phát triển, số thợ thủ công chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp trong dân gian cũng ngày càng tăng thêm. Rải rác khắp nơi trong nước đều có những hộ thợ công, sản xuất các loại sản phẩm phục vụ nhu cầu địa phương. Ở những nơi có điều kiện giao thông và nguyên liệu, vẫn tồn tại nhiều làng và phường thợ công chuyên chế tạo những sản phẩm nhất định như dệt, gốm, làm đường, đúc đồng, rèn sắt, làm giấy, dệt chiếu. Trong các nghề thủ công lúc bấy giờ thì nghề dệt, nghề gốm và nghề làm đường là phát triển hơn cả.

Quá trình hình thành và phát triển đô thị, xây dựng các thành lũy, căn cứ quân sự đòi hỏi cần phải cung cấp một lượng lớn nguyên vật liệu để xây dựng, nhất là gốm xây dựng và lực lượng nhân công dồi dào. Việc phát triển đô thị, xây dựng các công trình đã tạo đà cho nghề gốm phát triển.

Nhà nước cho đào các kênh rạch và nạo vét nhiều kênh mương để thuận tiện cho việc lưu thông, vận chuyển và trao đổi hàng hóa buôn bán không chỉ trong vùng Sài Gòn – Gia Định mà cả các vùng ở miền Đông và miền Tây Nam bộ. Nhà nước còn lập ra nhiều chợ búa lớn nhỏ để buôn bán nội địa với nhau đã thúc đẩy cho quá trình trao đổi và lưu thông các mặt hàng, các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ngày càng thuận tiện hơn.

Các cuộc di dân vào vùng đất phương Nam để khai phá lập ấp, định cư, chăn nuôi, trồng trọt... cư dân Nam Bộ cũng làm nhiều nghề tiểu thủ công nghiệp để phục vụ cho cuộc sống hằng

ngày của họ. Nghề làm gốm được phát huy, các vật dụng, đồ dùng bằng gốm đã gắn bó thân thiết và đã trở thành một người bạn đồng hành không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày nơi đất khách quê người. Từ thực tế khách quan, trong mỗi gia đình không thể thiếu đồ đựng, các đồ dùng sinh hoạt và các dụng cụ đun nấu ăn uống. Đó là các loại đồ đựng như bình, vò, lu, ché, khạp... dùng để đựng nước, đựng rượu, chứa lương thực thực phẩm như lúa, thóc, gạo; các loại đồ dùng trong sinh hoạt như lọ, chai, chậu, đèn gốm, bình trà, bát nhang, lư hương; các loại vật dụng để đun nấu ăn uống như nồi, ấm, trà, trách, tay cầm, siêu, o và rất nhiều vật dụng làm bằng gốm khác.

Thuở đầu đi khai hoang lập nghiệp, cuộc sống mới bắt đầu chập chững chưa ổn định nên cư dân chỉ dựng những ngôi nhà tạm bằng tre nứa, cỏ cây, lá dừa để ở. Sau khi đã an cư lạc nghiệp, kinh tế có chút phát triển, cuộc sống sung túc hơn, các lưu dân đòi hỏi phải xây dựng lại những ngôi nhà rộng lớn hơn, vững chắc hơn và sử dụng ngày càng nhiều các vật dụng đồ gốm để thỏa mãn nhu cầu ngày càng lớn của họ. Do ngày càng xây dựng nhiều ngôi nhà khang trang, bền vững nên các loại đồ gốm dùng cho công việc này như gạch lát tường, gạch xây móng, lát nền, gạch lát đường, lát ngõ... và nhiều loại ngói lợp, ngói trang trí, ngói diềm được dùng ngày càng phổ biến hơn trong các ngôi nhà của cộng đồng dân cư của người Việt, người Hoa và cả những cư dân người bản địa. Tuy được bắt đầu khai phá từ thế kỉ XVII, nhưng đến cuối thế kỉ XVII – đầu thế kỉ XIX, Sài Gòn – Bến Nghé đã trở thành một đô thị phồn thịnh ở xứ Đàng Trong với nhà cửa, phố xá san sát, chợ búa mọc lên ở khắp nơi. Sài Gòn – Bến Nghé trở thành một trung tâm đô thị thì đòi hỏi phải xây dựng nhiều công trình công cộng, cơ sở hạ tầng như đường xá, cầu cống, dinh thự, các bến cảng, bến bãi, kho hàng... để xứng đáng với một đô thị phồn hoa, tấp nập ở xứ Đàng Trong. Khi cuộc sống vật chất đã ổn định và sung

túc thì nhu cầu về tinh thần, tâm linh, tôn giáo, tín ngưỡng của những cư dân phương Nam ngày càng cao. Vì vậy mà họ cho xây dựng nhiều đền miếu, chùa chiền, nhà thờ, từ đường, hội quán... để đáp ứng nhu cầu đó.

Sau khi thiết lập được hệ thống nền hành chính, đặt chế độ cai trị ở đây, các chúa và vua Nguyễn đã cho xây dựng nhiều công trình quân sự, thành lũy vững chắc, kiên cố để chống lại giặc ngoại xâm xâm phạm lãnh thổ nước nhà và cũng là để trấn áp các cuộc khởi nghĩa nổ ra của nông dân. Các đồn bốt, phòng tuyến, khu quân sự được xây dựng và mọc lên tại nhiều địa điểm xung yếu ở hầu khắp các tỉnh Nam Kỳ. Do nhu cầu xây dựng nhiều công trình công cộng, quốc phòng ngày càng lớn đòi hỏi phải cung ứng cho thị trường một lượng lớn đồ gốm nhất là gốm xây dựng cho các công trình đó.

Chính vì thế, nhu cầu sử dụng gốm trong thời kì này là một quá trình hiện thực khách quan về đời sống của nhân dân và của nhà nước, đồng thời là một trong những điều kiện cần và đủ cho nghề gốm ở đây phát triển mạnh mẽ.

Về sự hình thành và phát triển nghề gốm ở Nam bộ:

Hiện tại, Nam bộ có 3 trung tâm (hay khu vực) chính để sản xuất gốm, đó là các trung tâm thuộc tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Vĩnh Long. Trong ba trung tâm kể trên, trung tâm gốm Đồng Nai và Bình Dương có lịch sử lâu đời nhất. Tuy nhiên, có một thời gian dài, từ khoảng thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XX, ở vùng Sài Gòn xưa (thuộc khu vực các quận: 5, 6, 8, 11 ngày nay) đã có hàng chục lò gốm sản xuất tập trung với quy mô lớn. Từ vùng Sài Gòn, gốm Sài Gòn đã lan tỏa đi khắp vùng miền trong cả nước, đặc biệt cung cấp hàng triệu sản phẩm các loại cho cuộc sống của người dân Nam bộ.

Có nhiều đánh giá về nguồn gốc hình thành và phát triển của nghề gốm ở Nam bộ. Việc phán đoán thời gian chính xác hình thành nghề gốm ở gặp nhiều khó khăn do nguồn tư liệu ít ỏi. Tuy

nhiên, nếu chúng ta căn cứ vào một số đồ gốm hiện có thông qua các công trình kiến trúc còn để lại, các cuộc khai quật khảo cổ học tại quận 8 thành phố Hồ Chí Minh, khảo sát tại bến Miếng Sành (Cù Lao Phố - Biên Hòa - Đồng Nai), kênh Ruột Ngựa, rạch Lò Gốm (quận 8), đường Xóm Đất, gò Cây Mai (quận 11)... đặc biệt các bộ sưu tập hiện vật gốm Sài Gòn, Đồng Nai, Bình Dương xưa của các bảo tàng và nhà sưu tập tư nhân ở nhiều tỉnh, thành Nam bộ thì chúng ta có thể sẽ có một cái nhìn đầy đủ và chính xác nhất về sự hình thành và phát triển của nghề gốm nơi đây. Có ý kiến cho rằng, gốm Nam bộ có ngay từ khi những người Việt, Hoa đặt chân lên đất Đồng Nai - Gia Định vào thế kỷ XVII và tập trung tại Biên Hòa (chủ yếu Cù Lao Phố) phát triển rất mạnh mẽ, cung cấp sản phẩm cho sinh hoạt đặc biệt là kiến thiết phố xá. Khu vực Sài Gòn xưa (ít hơn) nhưng cũng làm nhiều sản phẩm để buôn bán quanh vùng. Do nội chiến Tây Sơn - Nguyễn Ánh (1778), Cù Lao Phố bị san phẳng, người Việt và Hoa trong đó có rất nhiều người làm gốm đã phải rời bỏ Cù Lao Phố để về tập trung sản xuất tại Sài Gòn, làm cho sức sản xuất ở đây tăng nhanh nhiều mặt cả về số lò, thợ gốm, các loại sản phẩm cũng như thị trường ngày càng rộng hơn bao giờ hết. Sờ dĩ thợ gốm chạy dạt về đây sản xuất bởi khu vực này có nguồn đất sét cung cấp cho nghề khá lớn và tương đối phù hợp với sản phẩm. Tuy nhiên, để tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng, nguyên liệu sản xuất vẫn phải chuyển từ Đồng Nai, Bình Dương về Sài Gòn sản xuất thông qua hệ thống sông ngòi, kênh đào chằng chịt. Tại Sài Gòn, những người thợ tại đây đã tạo ra những sản phẩm có vẻ đẹp bất ngờ, đặc biệt, cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nhiều loại gốm có men màu, độ nung vừa phải, nhất là những sản phẩm cao cấp như tượng các loại, lư hương, bát nhang, bình, ấm, hũ đựng rượu... đã ra đời và đóng dấu mốc son quan trọng cho gốm Sài Gòn (hay còn gọi là gốm Cây Mai). Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng ở Sài Gòn, đặc biệt là dưới thời Pháp thuộc, một lần nữa, nghề

gốm và những người làm gốm ở đây lại phải di dời về Đồng Nai và Bình Dương lập nghiệp. Khoảng giữa thế kỷ XX, gốm ở Sài Gòn chính thức nhường vai trò và vị trí cho Đồng Nai và Bình Dương. Gốm Đồng Nai và Bình Dương có những phong cách, loại hình hay hoa văn trang trí khác nhau nhưng có một nguồn xuất phát rất quan trọng từ gốm Sài Gòn cả về loại hình, kiểu dáng. Điều đặc biệt, những năm đầu thế kỷ XX, với việc ra đời của trường mỹ nghệ thực hành Biên Hòa năm 1903 với sự nỗ lực của ông bà Balick (người Pháp) cùng với những người thợ gốm Sài Gòn xưa đã thổi hồn cho gốm bởi việc sáng tạo ra nước men (xanh đồng trở bông) và những sản phẩm nổi tiếng của mình, gốm Biên Hòa đã nhận được nhiều giải thưởng qua triển lãm trong và ngoài nước. Từ đó, gốm ở đây không ngừng vươn tới những thị trường năm châu.

Trung tâm gốm Bình Dương: Niên đại của các lò gốm đầu tiên ở Bình Dương hiện chưa có tài liệu thể hiện chính xác. Tuy nhiên, qua điều tra, khảo sát và một số tư liệu điền dã hay tư liệu dân tộc học cho thấy, các làng nghề gốm ở đây xuất hiện vào khoảng giữa thế kỷ XIX. Ba làng nghề nổi tiếng còn tập nập sản xuất cho đến ngày nay là:

Làng nghề gốm Lái Thiêu xuất hiện vào những năm giữa thế kỷ XIX, do những người Hoa theo chân các đoàn thuyền buôn vào lập nghiệp, thấy vùng đất này thuận lợi nên họ đã định cư. Đến lập nghiệp, biết làm gốm, họ đã mở lò sản xuất và tạo ra dòng gốm riêng biệt độc đáo, mang dấu ấn riêng từ giữa thế kỷ XIX đến nay.

Làng nghề Tân Phước Khánh (thường gọi Tân Khánh) với điều kiện hết sức thuận lợi như gần vùng đất sét, rừng nhiều củi... thuận lợi cho việc làm gốm.

Làng nghề gốm Chánh Nghĩa (thường gọi làng gốm Bà Lụa) thuộc Phú Cường, Thủ Dầu Một.

Ba làng nghề gốm ở Bình Dương có một nét chung đó là chủ nhân gốm đều là những lưu dân người Hoa từ miền duyên hải đến định cư, sinh sống và lập nghiệp. Số người Việt làm chủ các lò gốm không nhiều. Từ nguồn gốc bản quán, quê hương nên đã tác động mạnh đến quá trình sản xuất cũng như tập quán kinh doanh, quản lý doanh nghiệp... Các chủ nhân lò gốm đến Bình Dương từ các địa phương khác nhau, từ các tộc người khác nhau nên gốm ở đây cũng có những loại khác nhau hay gọi là các “trường phái” khác nhau gồm:

Trường phái Quảng (gốc Quảng Đông) với đặc điểm nổi bật là sử dụng men nhiều màu, hoa văn trang trí đẹp. Sản phẩm gồm các loại chậu hoa, đôn voi, tượng...

Trường phái Triều Châu (chủ yếu người Họ) sản phẩm chủ yếu là đồ gia dụng như: chén, đĩa, tô, tộ, các loại bình cắm hoa. Các nghệ nhân đã sử dụng men xanh trắng, nét vẽ đa dạng phong phú, hoa văn bình dị, đặc biệt hình ảnh các con vật như: rồng, gà, cá... rất ngộ nghĩnh, duyên dáng, say mê lòng người.

Trường phái Phúc Kiến (gốc Phúc Kiến) sản phẩm chủ yếu gồm chế đựng rượu, lu, vại chứa nước, các đồ dùng nhỏ như hũ, vìm, chậu.v.v... sử dụng thành thạo men nâu đen, da, lươn, hoa văn trang trí đơn giản, cách tạo hình đa dạng, đẹp.

Nghề gốm ở đây rất nổi tiếng, có lâu đời nên đã có nhiều thơ ca, vè... thể hiện nét văn hóa khá độc đáo:

“Chiều chiều mượn ngựa ông đồ

Mượn ba chú lính đưa cô tôi về

Đưa về chợ Thủ bán *hủ bán ve*

Bán bộ *đồ chè*, bán cối *đâm tiêu*”.

Trung tâm gốm Vĩnh Long là nơi nghề gốm được cho là em út, sinh sau đẻ muộn ở Nam bộ. Tuy nhiên, lịch sử hình thành nghề gốm ở đây cũng khá độc đáo. Nếu chúng ta xuất phát từ cầu Mỹ Thuận (cây cầu dây văng đầu tiên và lớn nhất

ở Việt Nam), qua dòng Cổ Chiên đến Mang Thít, cảnh tượng vô cùng độc đáo lọt vào tầm mắt mọi người, ấy là hàng trăm lò gạch ngói mọc lên như thành phố cổ ở Trung Đông bởi hình dáng nửa khối cầu tròn úp xuống của lò mà người nơi đây thường “Vương quốc gạch ngói”. Hơn 150 năm qua người Vĩnh Long đã tận dụng đất sét để tạo ra một làng nghề lớn nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long, làng nghề thu hút trên 2 vạn lao động. Đến thời điểm năm 1995, Vĩnh Long có hơn 900 lò gạch tròn với tổng sản lượng 500 triệu viên một năm. Làng gạch ngói trải dài 30km thuộc thành phố Vĩnh Long, huyện Long Hồ và huyện Mang Thít. Xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, các lò gạch ngói nơi đây phát triển quá “nóng”, cạnh tranh không lành mạnh, chạy theo lợi nhuận, chất lượng hàng hóa không bảo đảm, do khủng hoảng kinh tế, do hao tổn quá nhiều nguyên liệu... làm phát sinh ra những ý tưởng mới. Bắt đầu từ năm 1978 Vĩnh Long có hợp tác xã gốm dân dụng, song sản phẩm của hợp tác xã không thể cạnh tranh gốm Lái Thiêu về mọi mặt nên nhanh chóng bị phá sản. Thời gian tiếp theo, ở huyện Long Hồ cũng lập một xí nghiệp chuyên sản xuất gốm mỹ nghệ. Với rất nhiều khó khăn không giải quyết được như loại hình sản phẩm, không tìm được khách hàng cho nên cũng chung số phận với lò gốm kể trên... Đến khoảng những năm cuối thế kỷ XX, những người thợ gốm yêu nghề đã làm thử gốm mỹ nghệ và nung trong lò gạch kiểu truyền thống và lần thử này đã cho kết quả thành công mỹ mãn. Những sản phẩm đẹp mắt, hấp dẫn ấy, có màu đỏ khác lạ lại được chính các chủ lò gốm Bình Dương đánh giá cao và bao tiêu sản phẩm. Cứ lần hồi như vậy, sau có rất nhiều cơ sở sản xuất cùng làm theo cách nung gốm trong lò gạch, và họ đã thành công. Loại gốm đỏ ra đời từ chính loại đất sẵn có ở Vĩnh Long đã đi khắp năm châu bốn biển, có thị trường rộng lớn khá vững chắc ở Australia và nhiều nước châu Á tiêu thụ loại gốm này, và gốm vàng sáng màu phen lại được thị trường châu Âu ưa thích.

Quá trình hội nhập của gốm Nam bộ trong lịch sử

Như trên đã trình bày, nghề gốm ở Nam bộ tuy ra đời muộn hơn so với các trung tâm gốm ở phía Bắc và miền Trung song đã để lại nhiều dấu ấn quan trọng và ấn tượng. Những ấn tượng đó là trong thời buổi khó khăn, các vua chúa thi nhau mua sắm đồ gốm sứ ngoại phục vụ cho việc ăn chơi xa xỉ, không chăm lo phát triển sản xuất thủ công nghiệp phục vụ cho cuộc sống đông đảo người lao động. Nhiều nghề thủ công truyền thống đã đi vào dĩ vãng bởi chính sách kìm hãm và không được chăm lo... Trong hoàn cảnh ấy, nghề gốm ở Nam bộ vẫn đứng vững, vượt lên một cách ngoạn mục và phát triển không ngừng. Có được thành tựu quan trọng như vậy bởi nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Song chúng tôi cho rằng ngoài những yếu tố thuận lợi như đã trình bày trên, các chủ lò gốm, thợ gốm, các nghệ nhân đã liên tục tham gia tích cực hội nhập với thế giới bên ngoài để tồn tại và phát triển. Có thể điểm qua một số điểm như sau:

Trong kỹ thuật sản xuất, có thể do vị trí là “ngã tư” đường giao lưu quốc tế về mọi mặt kinh tế, văn hóa... nên người làm gốm Nam bộ đã sớm tiếp thu nhiều khâu trong làm gốm. Trước hết, gốm Nam bộ đã dung hòa thành công các kỹ thuật sản xuất gốm từ nhiều vùng miền trong cả nước, kỹ thuật sản xuất của người làm gốm miền nam Trung Quốc với nhau trên vùng đất mới bởi nguyên liệu hoàn toàn khác với nơi bản quán. Họ đã nghiên cứu chất đất để tạo ra sản phẩm riêng. Các kiểu lò cóc, lò đứng của người Việt dần thay bằng kiểu lò rồng, lò bao có hiệu quả hơn. Các loại men truyền thống như men đen, da lươn cũng dần được thay đổi bằng các loại men nhập khẩu và sau tự sản xuất cho ra nhiều màu sắc ấn tượng hơn cho từng loại hình và công dụng của sản phẩm.

Đầu thế kỷ XX, trường gốm Biên Hòa do người Pháp lập ra, giáo viên là những người Việt và Pháp là những nghệ nhân gốm Nam bộ đã tiếp

thu kỹ thuật phương Tây và sáng tạo ra nhiều kiểu dáng, đặc biệt loại men xanh độc đáo nổi tiếng được cả nước và thị trường một số nước biết đến loại sản phẩm này. Họ đã kết hợp thành thạo kỹ thuật phương Tây và phương Đông. Do thu nhận kỹ thuật phương Tây, nhiều sản phẩm gốm, gạch ra đời mang dấu ấn kết hợp như gạch nhiều lỗ để cách âm, cách nhiệt, ngói Tây, ngói nóc... có hình dáng khác lạ hiện diện trên các công trình kiến trúc Việt Nam. Những loại này nhẹ, ít tốn nguyên liệu, nung lò nhanh chóng, gốm “chín” đều.

Khuôn rót thạch cao được phát minh tại Pháp từ cuối thế kỷ XVIII, song đến thời điểm 1965 đã được du nhập vào Nam bộ, là một phương pháp tạo dáng tiến bộ, năng suất cao và ngày nay áp dụng đại trà cho việc sản xuất gốm xuất khẩu. Bàn xoay gốm được sử dụng motor điện thay thế việc đạp bằng chân hay xoay bằng tay cũng được áp dụng phổ biến tại Nam bộ. Trong thời đại ngày nay, nhiều doanh nghiệp gốm đã sử dụng nhiều loại máy tự động dập khuôn in, máy tự động tráng men cho gốm. Phương pháp tạo hoa văn cho gốm bằng decal cũng được du nhập và sử dụng rộng rãi, hình ảnh đẹp, tạo tác nhanh và sản phẩm giống nhau hàng loạt cũng được áp dụng. Hệ thống lò tuynel được du nhập từ Pháp vào đầu thế kỷ XX đánh dấu sự tiến bộ trong kỹ thuật nung gạch ngói, gốm sứ vệ sinh cho gốm Nam bộ. Hệ thống lò nung gas từ những năm thập niên 90 thế kỷ XX cũng được các doanh nghiệp gốm Nam bộ đi tiên phong sử dụng, mang lại hiệu quả cao, ít ô nhiễm, sản phẩm đạt chất lượng tốt. Hơn thế nhờ tiến bộ của kỹ thuật trong nước, một số cơ sở công nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh đã sản xuất được lò gas, giúp các doanh nghiệp hạ giá thành trong sản xuất.

Về loại hình sản phẩm, các nghệ nhân có sự nghiên cứu đối tượng sử dụng gốm theo phong tục, tập quán, thói quen... cho ra đời nhiều loại lạ mắt, độc đáo. Các loại tượng thờ cúng cho người Hoa, người Việt, đồ gia dụng, trang trí nội ngoại

thất như ông Nhật, bà Nguyệt, lân, rồng, cá, hoa lá... được sản xuất khá nhiều. Những chiếc Lavabo kiểu Tây nhưng trang trí đắp nổi hoa mai, cây trúc, hình rồng cho các gia đình người Tây; chiếc “gạch-bù-net” theo cách gọi của người Nam bộ dùng làm đồ đựng nước mát có gắn vòi bằng kim loại; những chiếc chai gốm kiểu Pháp tráng men trắng lả lăm, những chiếc hũ có ký tự La tinh, hay hoa văn trang trí kiến trúc hình hoa sồi – mô tuýp phổ biến của mỹ thuật phương Tây. Gốm Vĩnh Long có kiểu dáng rất phù hợp với trang trí vườn, công viên các nước châu Âu, Úc...

Phương pháp quảng bá hàng hóa cũng được các chủ lò gốm áp dụng như phương Tây: Quảng cáo sản phẩm gốm và cách thức mua bán trên báo “Nông - cổ Mìn – đằm”. Tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế do Pháp tổ chức tại Hà Nội và một số nước khác, trong đó có Pháp. Ngày nay, các cơ sở sản xuất luôn đi đầu trong việc lập thương hiệu cho gốm, đăng ký bản quyền thương hiệu, logo với quốc nội và quốc tế; thực hiện việc quản lý doanh nghiệp theo chuẩn quốc tế về môi trường, kỹ thuật; Hình thức công ty một thành viên (công ty trách nhiệm hữu hạn...) như mô hình trên thế giới cũng được áp dụng; Quảng bá thương hiệu và sản phẩm qua internet; Sản phẩm xuất khẩu đa dạng.

Thực trạng và những vấn đề của gốm Nam bộ trong hội nhập và phát triển

Phải thừa nhận rằng, nghề gốm ở Nam bộ trong thời gian qua đã đạt nhiều thành tựu to lớn về mọi mặt, có tác động khá sâu sắc, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội ở những địa phương có sản xuất gốm. Tuy nhiên, do nhiều vấn đề còn tồn tại chưa giải quyết được liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến nghề gốm cho nên tình hình sản xuất và kinh doanh gốm hiện tại gặp nhiều khó khăn thậm chí có nhiều doanh nghiệp gốm đã phá sản, nhiều doanh nghiệp đang đứng trên bờ vực, báo hiệu những ngày đen tối sắp diễn ra. Chúng tôi đi vào tìm

hiểu và phân tích một số khía cạnh sau nhằm mong muốn góp ý kiến nhỏ bé của mình để phát triển nghề gốm ở Nam bộ một cách ổn định, bền vững.

Về tiềm năng: các trung tâm sản xuất gốm ở Nam bộ vẫn có nhiều thuận lợi rất cơ bản trong việc phát triển sản xuất bởi có nhiều lợi thế to lớn như nguồn nguyên liệu ở Đông và Tây Nam bộ khá dồi dào như mỏ kaolin, sét trắng, đá, cuội, cát... vừa tập trung, vừa phân bố ở nhiều nơi thuộc Bình Dương và Đồng Nai. Đặc biệt, các mỏ kaolin ở Tân Uyên, Phú Giáo, Bến Cát, Dầu Tiếng, Thuận An hay Thủ Dầu Một... với trữ lượng khoảng 104 triệu tấn và lượng dự trữ khoảng 260 triệu tấn. Ngoài ra, ở đây còn lượng đất sét cho việc sản xuất gạch ngói hay vật phẩm gốm thường khác không đòi hỏi nguyên liệu cao cấp lên đến khoảng 890 triệu mét khối. Ở đây cũng có một diện tích rừng khá lớn lên đến 91.000 ha cung cấp gỗ và củi cho việc đốt lò nung gốm. Đồng Nai với diện tích tự nhiên 5.903,94km² có nhiều loại đất sét, kaolin và điều kiện khác tương tự Bình Dương nên phát triển nghề khá thuận tiện. Ở Vĩnh Long, do đặc tính riêng biệt của nguyên liệu nên sản phẩm có màu sắc sau hỏa biến khá độc đáo và hấp dẫn. Những sản phẩm này lại rất thích hợp cho thị trường Nhật Bản, Châu Âu, Bắc Mỹ. Gốm Vĩnh Long cũng chiếm được thị trường trong nước bởi sự đẹp tinh tế, trong sáng của chúng gắn với văn hóa đồng bằng sông Cửu Long. Đất phèn là một trong bốn loại đất chính ở Vĩnh Long, chiếm 69% diện tích. Từ lâu được người dân khai thác đất sét phèn làm nguyên liệu sản xuất gạch, ngói, kéo dài khoảng 20km ven sông Cổ Chiên và có truyền thống hơn một trăm năm làm gạch và gần đây sử dụng làm gốm. Theo Sơ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long thì nguồn tài nguyên khoáng sản sét tập trung nhiều ở 3 huyện Long Hồ, Mang Thít và Vũng Liêm, tổng trữ lượng hơn 101 triệu mét khối. Về chất đốt, nơi đây nằm giữa vựa lúa không lò nên có lượng

trấu đốt lò rất lớn, đầy tiềm năng, không sợ thiếu nhiên liệu cho nghề gốm và gạch ngói.

Nguồn nhân lực dồi dào: Vĩnh Long hiện có 22.118 hộ với 103.537 người, khoảng 0.4 triệu lao động, với 85% tập trung ở vùng nông thôn, thời gian nông nhàn lớn. Nguồn lao động này sẽ rất thuận lợi cho phát triển những ngành nghề phi nông nghiệp trong đó có gạch - gốm. Số lao động có tay nghề sản xuất gốm mỹ nghệ khá đông. Đặc biệt, đội ngũ nghệ nhân khoảng trên 100 người là trụ cột của ngành. Ở Đồng Nai và Bình Dương do đặc điểm nghề gốm phát triển lâu dài và liên tục, nhiều gia đình và dòng tộc sinh sống, lập nghiệp và nhiều thế hệ làm gốm và trở nên giàu có. Nơi đây, trong quá trình công nghiệp, hiện đại ngày nay, rất nhiều lao động từ các địa phương trong cả nước tụ tập về bởi “đất lành chim đậu”, họ lập nghiệp và định cư tạo ra nguồn lao động tiềm năng cho nghề gốm nói riêng và các ngành nghề khác của cả khu vực miền Đông Nam bộ. Dân số Đồng Nai và Bình Dương có khoảng 4 triệu người, đặc biệt có rất nhiều nghệ nhân gốm và lao động có trình độ tay nghề cao, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và chinh phục thị trường.

Hệ thống giao thông ở Đông và Tây Nam bộ có rất nhiều thuận lợi cho nghề. Đồng Nai, Bình Dương và Vĩnh Long là những tỉnh có hệ thống giao thông phát triển nhất so với các tỉnh ở Nam bộ, nhờ nằm trên tuyến giao thông huyết mạch và vị trí trung tâm đồng bằng. Giao thông đường thủy thuận tiện nhờ có hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt và hệ thống cảng sông, biển như đã trình bày trong phần trên. Những tuyến giao thông thủy trọng điểm của quốc gia đã tạo điều kiện thuận lợi cho công nghiệp gạch- gốm- một ngành có khối lượng vận chuyển rất lớn.

Tại Nam bộ, hệ thống đào tạo nghề tương đối phát triển, đặc biệt trường Cao đẳng Mỹ thuật Đồng Nai (quen gọi là trường gốm Đồng Nai) với lịch sử bề dày hơn 100 năm hình thành và phát triển, có khoa gốm là một trong những khoa

hình thành từ những ngày đầu thành lập trường. Nơi đây, hơn thế kỷ qua đã đào tạo hàng ngàn lao động có tay nghề cao, bài bản, có kiến thức chuyên môn sâu. Hệ thống các trường tại Đồng Nai, Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long... đã cung cấp cho nghề gốm nhiều người có trình độ thuộc nhiều lĩnh vực như quản lý, kỹ thuật, công nghệ, kiểm toán, kế toán, marketing, xuất nhập khẩu... tạo thế đi vững chắc cho nghề gốm Nam bộ.

Lượng vốn tích lũy của các làng nghề ở Nam bộ khá ấn tượng. Hiện tại các doanh nghiệp ở Vĩnh Long có số vốn đầu tư bình quân trên 2 tỷ đồng, nhiều doanh nghiệp có vốn trên 50 tỷ. Tuy nhiên, với các doanh nghiệp ở Đồng Nai và Bình Dương số vốn còn cao hơn nhiều. Số lượng máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải, mặt bằng sản xuất của doanh nghiệp khá rộng..., ước tính vài trăm tỷ đồng...

Trên đây chỉ là những thuận lợi cơ bản trong nhiều thuận lợi khác mà chúng tôi không có điều kiện thống kê. Tuy nhiên, điều quan trọng là những thách thức, khó khăn, những bất cập của nghề gốm ở Nam bộ hiện nay đang có tác động và ảnh hưởng xấu cho nghề. Có thể điểm qua một vài mặt sau:

Nguồn nguyên liệu đang ngày càng khan hiếm và vấn đề môi trường đang tạo ra những lo toan cho doanh nghiệp. Tuy nguồn nguyên liệu là dồi dào nhưng không là bất tận. Hơn nữa, đất sét còn là nguồn nguyên liệu không thể tái tạo. Các lò sản xuất gốm và gạch ngói tiêu tốn quá nhiều nguyên liệu cho sản xuất. Ở Vĩnh Long, với trữ lượng còn khoảng 40 triệu m³ đất sét, chỉ có thể khai thác cho sản xuất (với qui mô hiện tại) trong vòng 15 – 20 năm nữa. Điều đó ảnh hưởng đến chiến lược phát triển của các làng nghề gạch, gốm. Ở miền Đông Nam bộ đất sét không chỉ cung cấp cho nghề mà còn rất nhiều ngành sản xuất khác hay xây dựng, san lấp... cũng cần đến một lượng đất không nhỏ. Việc cạn dần nguyên

liệu luôn là vấn đề báo động đỏ cho doanh nghiệp.

Khai thác nguyên liệu quá đà trong thời qua đã có tác động xấu đến môi trường ở Nam bộ. Hàng ngàn hecta đất, đồi có thể trồng trọt hay đất trồng lúa ở Vĩnh Long bị khai thác đến mức không thể làm gì được nữa. Nhiều hồ khai thác đất sâu hoắm, nguy hiểm đến tính mạng con người và gia súc đã xảy ra ở một số nơi. Rất đau xót khi hàng trăm hecta đất lúa của nông dân có quyền sử dụng đất, do hoàn cảnh khó khăn, họ đã bán đi lớp đất dày khoảng 40-50cm cho chủ lò gạch gốm và hậu quả đất còn lại không thể canh tác, không thể nuôi tôm cá do chua, phèn. Cánh đồng hay đồi đất bị loang lổ do khai thác đất. Hàng đoàn xe vận tải cỡ lớn chờ quá tải đang ngày đêm chuyên chở nặng phóng đi với tốc độ cao trên đường đã phá nát nhiều con đường ở thành phố Hồ Chí Minh (Quận 2, Thủ Đức), Biên Hòa, nhiều vùng ngoại thành ở Bình Dương để chở đất, gạch, gốm đi sản xuất và tiêu thụ. Kết cục, đường phá nát, khói bụi mù mịt, tiếng động cơ gầm rú trong khu dân cư làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống thường ngày của người dân (nhiều làng nghề xen lẫn khu dân cư). Khói từ những lò gốm và gạch ngày đêm tuôn xả ra không gian một lượng khí thải độc hại. Ở Vĩnh Long, theo khảo sát tại Long Hồ và Mang Thít cho thấy không khí bị ô nhiễm bởi khí HF vượt mức cho phép từ 1,5 – 1,7 lần trong 2 năm khảo sát: 2005 và 2005. Khảo sát ở Đồng Nam bộ cho thấy, một lò gốm nung trong 24 giờ cho ra khí thải độc hại như CO: 210mg/m³; NO₂: 130mg/m³; HF: 0,3mg/m³; bụi: 173 mg/m³; SO: 0,97mg/m².... Không chỉ không khí, bụi mà các loại phế thải của nghề tạo ra như sản phẩm hư hỏng phải loại bỏ, nước thải, tro than đốt lò đang làm ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt của người dân.

Ngoại trừ một số doanh nghiệp lớn hay liên doanh với nước ngoài, nhìn chung năng lực quản lý, điều hành các cơ sở sản xuất gốm ở Đồng Nai,

Bình Dương hay gạch-gốm ở Vĩnh Long đa phần còn kém, chưa có tính chuyên nghiệp. Tại đây, các doanh nghiệp hay cơ sở sản xuất, các lò gốm còn thiếu lực lượng chuyên môn giỏi, thiếu đội ngũ họa sỹ chuyên sáng tác tạo hình mẫu mã, khâu quản trị, marketing, hiểu biết luật pháp còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hay liên quan đến yếu tố pháp luật như xuất nhập khẩu, hải quan, thuế các loại...

Nhiều doanh nghiệp gốm đã đầu tư các công nghệ hiện đại cho sản xuất, tạo năng suất lao động cao, chất lượng sản phẩm tốt, ít hư hao nguyên liệu. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp sản xuất có công nghệ khá lạc hậu, tiêu tốn nhiều nguyên liệu và nhiên liệu, chất lượng hạn chế, hiệu quả và sức cạnh tranh với gốm nước ngoài và cạnh tranh trong nước cũng thấp.

Mẫu mã và chất lượng sản phẩm gốm chưa cao, hình thức không hấp dẫn, sản phẩm mỹ thuật nhưng còn thô kệch, kém tinh tế, truyền thống văn hóa Việt qua hàng năm vẫn hiện còn ít thể hiện trong sản phẩm, nếu có thì chuyển tải chưa mấy thành công. Chất lượng Gốm Vĩnh Long và rất nhiều doanh nghiệp khác ở Nam bộ chỉ đạt mức trung bình của thế giới. Trong khi thực hiện các đơn hàng, sự sai sót kỹ thuật nhiều. Mẫu mã chưa đa dạng, chưa khai thác được tiềm năng thị trường. Sở dĩ sản phẩm xuất khẩu được là nhờ giá rẻ và màu sắc độc đáo – màu tự nhiên.

Đại đa số các doanh nghiệp chưa xây dựng được thương hiệu sản phẩm. Nhiều sản phẩm gốm có tiếng trong và ngoài nước nhưng vẫn chưa đăng ký thương hiệu. Nghiên cứu thị trường là việc làm cần thiết và quan trọng với mỗi doanh nghiệp, song chúng tôi thấy rằng, điều bất cập lớn ở đây là rất ít doanh nghiệp chú ý đầu tư thích đáng cho việc này, nếu có làm thì còn yếu, hời hợt, chưa bài bản, chưa trọng tâm, chưa có chiến lược ngắn và dài hạn. Việc nghiên cứu thị trường do nhiều nguyên nhân, khả năng có hạn của doanh nghiệp. Do đó, tầm nhìn, định vị trong kinh doanh không rõ.

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước này càng quyết liệt hơn bao hết. Đối thủ chính của gồm Nam bộ là gồm Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia và nhiều nước khác. Trong cuộc đua này, họ hơn hẳn về công nghệ, vốn, quản lý, năng lực cạnh tranh và thương hiệu, đặc biệt cạnh tranh về giá cả của sản phẩm, chất lượng, sự độc đáo, nhất là gồm mỹ nghệ.

Những năm qua, trên thế giới liên tục có những cuộc khủng hoảng về tài chính, tiền tệ, kinh tế. Từ năm 2008 đến nay, khủng hoảng tài chính thế giới xuất hiện ở Châu Âu, bắc Mỹ, Việt Nam cũng đang quyết chống đỡ với suy thoái kinh tế, chống lạm phát do ảnh hưởng của khủng hoảng thế giới. Tình hình ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gồm. Giá nguyên liệu đầu vào liên tục tăng cao, đầu ra cho sản phẩm bị thu hẹp, giá hạ, ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp.

Trước tình hình ô nhiễm môi trường, các địa phương đặc biệt là Đồng Nai và Bình Dương đang thực hiện nhiều chính sách di dời cơ sở sản xuất ra khỏi khu dân cư. Đây là chủ trương đúng đắn, hợp khoa học nhưng trong bối cảnh hiện nay, việc di dời là một việc không nhỏ trong lúc các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, mặc dù các địa phương này đều có chính hỗ trợ di dời.

Dù khó khăn là vậy, chúng tôi luôn cho rằng, nếu có những giải pháp thiết thực phù hợp với cảnh quan của nền kinh tế hiện tại nhằm phát triển sản xuất một cách bền vững, ổn định doanh nghiệp và đời sống của hàng chục vạn lao động trong nghề và những nghề có liên quan. Chúng tôi đề xuất:

Chính sách phát triển và thực hiện các chính sách một cách đồng bộ: trước hết, chính trong phát triển sản xuất cho nghề cần sự phù hợp và đồng bộ. Trong tình hình hiện nay, các doanh nghiệp gồm rất cần chính sách hỗ trợ nhiều mặt của Nhà nước, của các địa phương để gia tăng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Các doanh nghiệp

thường quan tâm nhiều đến vốn vay ngân hàng đầu tư cho sản xuất, mua sắm trang thiết bị công nghệ hiện đại hơn. Mặc dù chính sách cho vay với lãi suất ưu đãi nhưng do nhiều nguyên nhân, các doanh nghiệp gồm Nam bộ vẫn không tiếp cận được do các thủ tục hay điều kiện của ngân hàng. Cần giảm hay có thể miễn thuế trong thời gian thích hợp để doanh nghiệp vượt qua khó khăn, làm ăn có lãi. Cần sự hỗ trợ trong đào tạo nguồn nhân lực cho nghề trước sức ép cạnh tranh hiện nay. Hỗ trợ về khoa học công nghệ áp dụng cho sản xuất gồm trong các khâu thiếu như xây dựng lò đúng kỹ thuật, quy trình sản xuất tự động hay bán tự động trong các khâu tạo dáng, chế tạo men...

Về đầu ra cho sản phẩm, nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ không thể tự mình bơi trong thương trường đầy khó khăn và phức tạp như hiện nay bởi không có khả năng. Họ rất cần những đơn hàng trực tiếp từ nước ngoài, bớt khâu trung gian vì qua nhiều trung gian họ không còn bao nhiêu hoặc lỗ. Các thủ tục hải quan, xuất nhập khẩu, khai báo nhiều loại thuế khác nhau họ không nắm vững, chi phí quá nhiều. Các chính sách này cần đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu cho doanh nghiệp dễ thực hiện.

Tăng cường tiếp thu công nghệ mới cho sản xuất gồm là một thực tế không thể coi nhẹ. Thực tế mình chứng rằng, những doanh nghiệp nào càng đầu tư nhiều cho công nghệ sản xuất, quản lý... thì doanh nghiệp ấy vẫn hoạt động tốt và tăng trưởng trong tình hình khủng hoảng, khó khăn hiện nay. Sản xuất gồm đòi hỏi nhiều kỹ năng, nhiều yếu tố khoa học kỹ thuật trong tất cả mọi khâu, mọi quy trình. Nếu cứ sản xuất theo kinh nghiệm thì rõ ràng sản phẩm không ổn định về chất lượng, không đẹp, sản xuất không chuyên. Trong tương lai cần phải “số hóa” tất cả các khâu từ pha chế nguyên liệu, men, tạo hình, hoa văn, quy trình nung gồm. Đặc biệt, việc sử dụng lò nung gas cần được đầu tư bởi quá trình nung cho chất lượng sản phẩm ổn định, ít ô

nhiệm, sạch sẽ, ít hư hỏng sản phẩm (có mẻ ra lò đạt yêu cầu chất lượng 100%). Tuy nhiên, cần có chính sách giảm giá gas cho doanh nghiệp với giá vừa phải, nhanh chóng đưa nguồn nhiên liệu này đến tận doanh nghiệp bằng hệ thống ống dẫn.

Vấn đề đào tạo nguồn nhân lực cho nghề cũng là điều cần quan tâm giải quyết sớm và đồng bộ. Mỗi doanh nghiệp nên có một lực lượng lao động có tay nghề ổn định và thực hiện theo chuyên môn sâu từng công việc, từng công đoạn của quy trình. Thực trạng chất lượng tại lao động tại các doanh nghiệp hiện nay đáng báo động bởi tình trạng vừa thiếu, vừa yếu. Số sinh viên ra trường của trường Cao đẳng Mỹ thuật Biên Hòa (chuyên về gốm) có thời gian không cung cấp đủ cho nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là khâu sáng tác. Phải bổ sung kiến thức, tay nghề cho lực lượng lao động từ các vùng miền trong cả nước tụ hội về đây tham gia sản xuất nhưng không có tay nghề. Đào tạo nghề ngay tại cơ sở sản xuất cũng cần quan tâm vì có thể sử dụng tay nghề nhanh nhất. Bên cạnh bồi dưỡng tay nghề, cần phải có kiến thức lịch sử, văn hóa Việt Nam, cách ứng xử văn minh lịch sử trong bối cảnh hiện nay có nhiều khách tham quan du lịch trong và ngoài nước đến tìm hiểu, chiêm ngưỡng. Cần quan tâm đến điều kiện ăn ở, cơ sở vật chất và tinh thần cho người lao động tránh tình trạng nhếch nhác, kém vệ sinh như hiện nay để khuyến khích và giữ chân người lao động, đặc biệt những người có trình độ tay nghề cao, các nghệ nhân gốm. Đào tạo hay thu nhận đội ngũ quản lý qua đào tạo bài bản tại các trường Đại học và Cao đẳng trong khu vực để nâng cao kỹ năng mọi mặt, áp dụng được các công nghệ tiên tiến trong sản xuất.

Thường xuyên tổ chức các chương trình nghiên cứu, phân tích và tìm kiếm thị trường để cải tiến mẫu mã cho phù hợp, đặc biệt là các thị trường quan trọng như Châu Âu, Bắc Mỹ, Australia, thị trường Nga, thị trường khác và cả thị trường trong nước bởi hiện tại, gốm Nam bộ

hầu như không có thị trường phía Bắc và miền Trung. Chỉ có thị trường xuất khẩu mới đem lại hiệu quả kinh tế cao, có lãi và quay trở lại đầu cho sản xuất và đầu tư cho con người. Việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài liên kết với các cơ sở sản xuất gốm gốm để tranh thủ vốn, công nghệ, kinh nghiệm và hệ thống phân phối của đối tác đã được thực hiện khoảng trên hai chục năm, nay và thu được hiệu quả tốt.

Vấn đề xây dựng thương hiệu và thực hiện hoạt động Marketing quảng bá thương hiệu, quảng bá sản phẩm là việc không thể thiếu của mỗi doanh nghiệp và cơ sở. Trong điều kiện này, các doanh nghiệp không thể đi chào hàng theo cách làm cổ điển trước đây bởi không có hiệu quả hoặc hiệu quả rất thấp. Tích cực tham gia hay tổ chức các hội chợ, triển lãm sản phẩm hay thực hiện các festival gốm như Bình Dương đã từng làm bởi có hiệu quả tốt. Có thể mở các văn phòng đại diện, các chi nhánh của doanh nghiệp tại nước ngoài để xúc tiến tìm kiếm thị trường. Ứng dụng công nghệ thông tin để quảng bá thương hiệu và sản phẩm bao gồm cả giá sản phẩm, phương thức thanh toán, cách thức và thời gian giao hàng...

Việc sử dụng nguyên liệu và môi trường cần phải quan tâm đúng mức. Hiện tại, hầu hết các sản phẩm gốm Nam bộ tiêu tốn khá nhiều nguyên liệu bởi kích cỡ lớn, dày và rất nặng. Muốn bảo vệ nguồn tài nguyên đất tránh ô nhiễm cần đầu tư sáng tạo những sản phẩm có giá trị cao hơn, tốn ít nguyên liệu hơn, cho giá trị kinh tế cao hơn. Nên chăng, chuyển sang sản xuất loại nhỏ, tinh tế, mang dấu ấn văn hóa Việt nhiều hơn và đầu tư công nghệ để tạo ra chúng?

Trong nung gốm, hạn chế nung củi, trấu và tăng cường sử dụng các kiểu lò Tuynel hay lò gas. Đánh thuế tài nguyên để hạn chế dẫn việc khai thác đất sét và khuyến khích sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả nhất. Xây dựng các làng nghề ở nơi xa khu vực dân cư như Bình Dương và Đồng Nai nhưng cần gắn với du lịch,

với làng nghề, có điều kiện thuận tiện trong giao thông vận tải, chuyên chở nguyên liệu và sản phẩm như nơi sản xuất truyền thống...

Do điều kiện về thời gian cũng như dung lượng của một bài viết, chúng tôi không thể trình bày được nhiều về mặt thống kê, các số liệu chi tiết khác của nghề gốm tại 3 trung tâm hiện tại. Xin được tóm lược đôi nét về tình hình sản xuất

và kế hoạch tương lai của trung tâm gốm Đồng Nai (chưa phải là trung tâm số một hiện tại về năng lực sản xuất cũng như số lượng nhân công, và đặc biệt là việc xuất khẩu gốm sứ...) cho thấy khả năng tiềm tàng cũng như như thách thức của nghề để có cái nhìn rõ hơn về gốm Nam bộ như sau:

Bảng thống kê về gốm sứ Đồng Nai qua một số năm và dự kiến đến năm 2015

Năm	2000	2006	2010	2015	Ghi chú
Lò nung các loại (Lò củi, lò dầu, lò than, lò gas - cái)	74	114			
Lao động gồm: Nghệ nhân, Đại học, CNKT, Lao động phổ thông	4.108	4.343			
Sử dụng đất đai gồm các địa bàn: Biên Hoà, Hóa An, Tân Vạn, Bửu Hòa, Tân Hạnh, Long Thành, Trảng Bom	39,38	61,23			
Mục tiêu					
Quy mô					
<i>Chỉ tiêu tăng trưởng (tỷ đồng)</i>		199,3	271,2	380,3	
Doanh thu		288,3	407,0	612,0	
Quy ra ngoại tệ (triệu USD):		19,2	25,4	38,2	
Cơ cấu thiết bị nung (%)					
- Lò gas		76,3	79,2	78,6	
- Lò dầu		7,9	11,7	11,4	
- Lò than		1,8	9,2	10,0	
- Lò củi		14,0	0,0	0,0	
Nhu cầu về nguyên, nhiên vật liệu					
Đất Kaolin	m ³	189.514	277.467	407.690	
Men	USD	1.025.000	1.085.156	1.522.000	
Gas	USD	2.163.584	3.054.072	4.283.500	
Dầu	Tấn	560	710	800	
Than	Tấn	20	100	500	
Lao động					
- Nghệ nhân		42	50	60	
- Đại học		53	80	110	
- Cán bộ kỹ thuật		531	550	700	
- Lao động phổ thông		3.717	4.208	5.077	
Vốn đầu tư					
Giá trị SXCN (giá Cđ 94)	Tỷ đồng	199,3	271,2	380,3	

Hệ số vốn đầu tư/GTSCXCN	Lần	1,5	2,0	1,8	
Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	302,7	542	685	
Đất cho ngành gốm					
- Biên Hoà		57		64,63	
- Hoá An		26,3		9,8	
- Tân Vạn		14,77		0	
- Bửu Hoà		10,48		0	
- Tân Hạnh		1,64		54,83	
- Trảng Bom		2,5		> 2,5	
- Vĩnh Cửu		-		50	
- Long Thành		1,73		> 1,73	
Thị trường xuất khẩu:					
- Mỹ	Chậu trồng hoa; chậu cuốn mây tre lá, bình cuốn tre, tượng trang trí đồ gia dụng...				
- Đức	Chậu trồng hoa các loại bằng gốm sứ và đất nung, lọ, bình hoa bằng gốm sứ, đồ gia dụng, một số đồ trang trí như: trái tim, ốc, mèo, đèn... bằng đất nung.				
- Anh	Chậu, bình hoa gốm sứ, tượng các con thú bằng.				
- Pháp	Đồ chơi bằng sứ, tượng các con vật: voi gốm, gà, chậu, bình, tách trà,... gốm sứ và gốm sơn mài.				
- Hà Lan	Chậu trồng hoa, bình hoa bằng gốm sứ các loại.				
- Nhật Bản, Hàn Quốc	Chậu, đĩa, nền, đèn, bình hoa, tượng các con thú...				
- Nam Phi	Sản phẩm màu sắc đậm, hàng thô ráp, khổ to phù hợp với thiên nhiên và không gian rộng.				
- Trung Đông	Chậu trồng cây và gốm trang trí				

Nguồn: tư liệu tổng hợp từ tài liệu của Sở Công nghiệp Đồng Nai, tháng 12-2007: Quy hoạch phát triển ngành gốm mỹ nghệ tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2007 – 2010, có xét đến năm 2015, theo <http://vndocs.docdat.com>, 20/06/2013

Như vậy, suốt mấy thế kỷ qua, gốm Nam bộ có những bước thăng trầm cùng lịch sử, nhưng nhìn, nghề vẫn luôn phát triển không ngừng bởi sự năng động, sáng tạo của những người làm gốm nơi đây. Để có sự phát triển liên tục, những người làm gốm đã đi tiên phong hội nhập, tiếp thu những thành tựu sản xuất gốm trên thế giới và quá trình ấy đã diễn ra trong suốt thế kỷ XX. Tuy nhiên, quá trình hội nhập quốc tế ngày nay không đơn giản, những điểm mạnh, điểm yếu, những cơ hội hay nguy cơ luôn tiềm ẩn ảnh hưởng, thậm chí đe dọa sự tồn tại và phát triển

của gốm sứ Nam bộ. Những mặt tích cực cũng như hạn chế, yếu kém trên một số mặt như quy trình sản xuất, sản phẩm, ô nhiễm môi trường, kỹ thuật, hao hụt tài nguyên đất, thị trường trong và ngoài nước, vấn đề marketing, hội nhập trong giai đoạn mới... Những thách thức về giải pháp, những kiến nghị hướng tới ổn định thị trường trong nước và xuất khẩu đem lại nhiều lợi nhuận hơn nữa, đồng thời giữ vững và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam, chuyển tải văn hóa độc đáo của Việt Nam ra quốc tế thông qua gốm Nam bộ.

Ceramics in the South of Vietnam – Its traditions and difficulties in the global integration and development

• Phi Ngoc Tuyen

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Ceramics in Southern Vietnam began in the 17th Century when the Vietnamese people moved from the North and the Middle to the South, and a small part of the China's population in the South migrated to Vietnam for a variety of purposes. They together did business and produced goods. Many of them were equipped with high expertise in pottery making. With their skills and creativity, they made millions of products for daily use, decoration, architecture and religion.

Ceramics has undergone many success and difficulties in recent centuries, and it has always developed thanks to workers' dynamism and creativity in this ceramic field. For continuous growth, the workers had to deepen their knowledge from all over the world in the 20th century where the art of making ceramics developed well. This could bring not only opportunities but also threats for the ceramics industry in Southern Vietnam.

The paper focused on the current status of the ceramics in Dong Nai, Binh Duong and Vinh Long to point out its positive features, strengths as well as weaknesses in terms of production process, products, environmental pollution, techniques, land resources wearing-out, domestic and foreign markets, marketing methods, integration in the new period, etc. Moreover, the author also suggested a number of solutions to stabilize the markets in Vietnam and foreign countries to make more profit, and simultaneously keep the identity of Vietnamese culture and convey it to the world through southern ceramics.

The research includes three main points:

- *Some information about the origin and development of southern ceramics*
- *Ceramics in the South of Vietnam in the global integration*
- *The current status and difficulties of ceramics in the South of Vietnam in the global integration.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trương Thị Kim Chuyên (chủ nhiệm), 2011, Đề tài nhánh số 1: “Điều kiện địa lý tự nhiên, môi trường sinh thái tác động đến tiến trình lịch sử và đặc trưng văn hóa vùng Nam Bộ” (Thuộc đề án khoa học xã hội cấp nhà nước: Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ - Cơ quan chủ trì: Trường Đại học KHXH & NV TP.HCM), trang 41
- [2]. Quốc Dũng thvl.vn ngày 08/10/2011
- [3]. Nguyễn Văn Thủy 2008, *Nghề gốm ở Bình Dương từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1975*, luận văn thạc sĩ khoa học lịch sử, Viện Khoa học Xã hội Vùng Nam bộ
- [4]. Vietbao.vn, 10/04/2007, *Vĩnh Long: Phân tích mẫu khí vùng sản xuất gạch gốm*,
- [5]. Phí Ngọc Tuyển, 2005, *Luận án tiến sĩ lịch sử: Nghề gốm ở thành phố Hồ Chí Minh từ thế kỷ XVIII đến nay*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM
- [6]. Phạm Tiến Dũng và cộng sự, 2003, *Nghiên cứu bước đầu xây dựng phương pháp tính toán, đề xuất mật độ bố trí hợp lý các lò nung gạch công suất nhỏ nhằm hạn chế ảnh hưởng tới môi trường xung quanh*, Viện Nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Bảo hộ lao động, Hà Nội
- [7]. Nguyễn Thị Hậu, Trần Sung, Lại Ngọc Huy (1999), *Báo cáo khai quật di tích lò gốm cổ Hưng Lợi phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (khai quật tháng 10/1997 – 04/1998)*, lưu tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh
- [8]. Địa phương chí tỉnh Bình Dương, 1975
- [9]. Báo “Nông - cổ Mìn – đàm”, số 182 ngày 16/Mars/1905